TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆTNAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số:03/2020/DS-PT.
Ngày 28/02/2020.
"*V/v Tranh chấp liên quan đến yêu cầu hủy văn bản công chứng vô hiệu*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hà.
Các thẩm phán: - Ông Đặng Văn Quyết.
- Bà Phạm Thị Minh Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang***: Ông Nguyễn Đức Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 28/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:190/2019/TLPT- DS ngày 13/12/2019 về việc "Tranh chấp liên quan đến yêu cầu hủy văn bản công chứng vô hiệu".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2019/DS-ST ngày 17/10/2019 của Toà án nhân dân thành phố B có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐ-PT ngày 12/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐ-PT ngày 21/02/2020, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn***: Bà Vũ Thị L, sinh năm: 1955
Địa chỉ: Số 203, cụm Châu Xuyên, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà L: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1995. Theo giấy ủy quyền ngày 25 tháng 6 năm 2019 được công chứng tại Văn phòng công chứng Xương Giang, số công chứng 328/2019, quyển số: 02/TP/CC-SCC/HĐGD.

Địa chỉ: Tổ dân phố Thượng, Đỗ Thu Ph ân Dân, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (bà L vắng mặt, chị L1 có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L: Ông Nguyễn Văn Hải- Luật sư thuộc văn phòng luật sư Hải và công sự- Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt)

**** Bị đơn***: Văn phòng công chứng Đ

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Anh H- Trưởng Văn phòng công chứng Đ

Địa chỉ: Số 30, đường Nguyễn Văn Mẫn, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Đỗ Thu Ph, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 203, cụm Châu Xuyên, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số nhà 184, đường Hùng Vương, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

**. Người kháng cáo*: bà Vũ Thị L là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa bà Vũ Thị L và đại diện theo ủy quyền của bà L là chị Nguyễn Thị L trình bày: Bà và ông Đỗ Mạnh H kết hôn năm 1978, sau khi kết hôn bà và ông H ở chung với bố mẹ chồng được một năm, đến năm 1980 vợ chồng bà ở tại nhà đất số 203, cụm Châu Xuyên, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Bà và ông H sinh được hai người con gồm Đỗ Mạnh T, sinh năm 1978, Đỗ Thu Ph, sinh năm 1980. Hiện tại chỉ còn cháu Phương đang ở cùng với bà, còn cháu Tuấn mất năm 2002. Ngoài hai người con là cháu Phương và cháu Tuấn, vợ chồng bà không có con nuôi, con riêng nào khác.

Chồng bà là ông Đỗ Mạnh H mất vào ngày 04 tháng 3 năm 2011, trước khi mất chồng bà không ốm đau, bệnh tật gì.

Thời gian còn sống vợ chồng có tài sản là nhà đất hiện tại bà đang ở, khi còn sống vợ chồng bà đều làm nông nghiệp. Diện tích đất nông nghiệp của gia đình bà theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 30/12/1999, bao gồm:

+ Tờ bản đồ số 23, số thửa 10 (2), diện tích 480,0 m2, mục đích sử dụng là đất ao, thời hạn sử dụng đến tháng 10/2013;

+ Tờ bản đồ số 24, số thửa 9 (1), diện tích 443,3 m2, mục đích sử dụng là đất ao, thời hạn sử dụng đến tháng 10/2013;

+ Tờ bản đồ số 7, số thửa 67, diện tích 316,0 m2, mục đích sử dụng là đất lúa, thời hạn sử dụng đến tháng 10/2013;

+ Tờ bản đồ số 15, số thửa 65, diện tích 405,0 m2, mục đích sử dụng là đất lúa, thời hạn sử dụng đến tháng 10/2013.

Đối với văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/11/2012 được lập tại Văn phòng công chứng Đ, văn bản này bà không trực tiếp đi làm nhưng bà và con gái bà là chị Ph có ký vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/11/2012.

Bà Mai đi làm văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/11/2012, không nói gì với bà, khi ký bà cũng không đọc.

Bà có làm đơn yêu cầu tuyên văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/11/2012 vô hiệu vì chưa làm đúng theo pháp luật công chứng, nghĩa là chưa được niêm yết công khai theo quy định của Nghị định hướng dẫn.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L là đại diện theo ủy quyền củabà L trình bày: bà L và ông H có hai người con gồm anh Đỗ Mạnh T, chị Đỗ Thu Ph, anh Tuấn chết năm 2002, anh Tuấn không có vợ và con, ông H chết năm 2011. Về hàng thừa kế của ông H thời điểm lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế cóbà L và chị Ph là đúng. Về di sản thừa kế như trong Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/11/2012 là đúng, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu tuyên Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/11/2012 là vô hiệu vì vi phạm điều cấm của pháp luật. Căn cứ vào Điều 52 Luật Công chứng năm 2014 và Khoản 3 Điều 52 Nghị Định 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính Phủ về công chứng, chứng thực, theo qui định của các văn bản trên thì khi Văn phòng công chứng Đ công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/11/2012 đã không niêm yết công khai. Trường hợp văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/11/2012 là vô hiệu thìbà L không yêu cầu xem xét giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu. Nếubà L có yêu cầu thìbà L sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Đại diện Văn phòng công chứng Đ yêu cầu áp dụng thời hiệu giải quyết vụ án chị không nhất trí vì yêu cầu của bà L vẫn còn thời hiệu khởi kiện

+ Tại bản tự khai và quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn Văn phòng công chứng Đ người đại diện ông Vũ Anh H trình bày: Ngày 13/11/2012, Văn phòng công chứng Đ có nhận được đơn đề nghị công chứng của bà Vũ Thị L về việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế.

Những tài liệu bà Vũ Thị L đã nộp cho Văn phòng công chứng Đ đã thể hiện:

- Ông Đỗ Mạnh H chết ngày 04/3/2011, có giấy chứng tử của cơ quan có thẩm quyền;

- Di sản của ông H có tổng diện tích 1.644,7m2, thời hạn sử dụng đến tháng 10/2013, trong đó có 02 thửa đất ao; 02 thửa đất lúa được thể hiện ở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành **Q 000 091** do UBND thị xã Bắc Giang cấp ngày 30/12/1999 cho hộ ông Đỗ Mạnh H

- Về hàng thừa kế thứ nhất của ông H: Theo đơn đề nghị của bà Vũ Thị L, được UBND phường Lê Lợi xác nhận ngày 12/11/2012 thì hàng thừa kể thứ nhất của ông H chỉ có 02 người đó là bà Vũ Thị L (là vợ ông H) và chị Đỗ Thu Ph (là con gái ông H) người con trai của ông H chết khi còn trẻ chưa có vợ con, ngoài ra không còn ai thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ Mạnh H nữa.

Công chứng viên Văn phòng công chứng Đ&T ký công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/11/2012 *(số công chứng 1438/2012, quyển số 03)* là đúng theo quy định tại Điều 49 của Luật công chứng năm 2006.

Tại thời điểm công chứng và cho đến nay đã 7 năm, không phát hiện bị bỏ sót ai thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ Mạnh Hoành. Điều đó khẳng định bà Luyến và chị Phương không hề bị mất quyền và nghĩa vụ đối với di sản ông

Hđể lại. Bản chất của văn bản thỏa thuận phân chia di sản của bà Luyến chị Phương được công chứng ngày 13/11/2012 là không có gì thay đổi, vì không mất quyền của bà Luyến, chị Phương và không bỏ sót người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H.

Nay bà Vũ Thị L khởi kiện yêu cầu tuyên văn bản công chứng vô hiệu do vi phạm pháp luật là không có căn cứ, Văn phòng công chứng Đ&T đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện củabà L. .

Tại phiên tòa ông Vũ Anh Htrình bày: Văn phòng công chứng Đ&T công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/11/2012 giữabà L và chị Ph là đúng với quy định tại Điều 49 Luật công chứng năm 2006. Văn phòng công chứng Đ&T không đồng ý với yêu cầu củabà L về tuyên Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/11/2012 là vô hiệu, do vi phạm điều cấm của pháp luật. Đại diện theo ủy quyền củabà L căn cứ vào Nghị định 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính Phủ về công chứng, chứng thực cho rằng Văn phòng công chứng Đ&T khi công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/11/2012 không niêm yết là không phù hợp với thời điểm công chứng. Văn phòng công chứng Đ&T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu để giải quyết đối với vụ án vì theo qui định của Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện đã hết. Trường hợp Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/11/2012 là vô hiệu thì Văn phòng công chứng Đ&T không yêu cầu xem xét giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu.

+ Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thu Ph trình bày: Chị khẳng định chưa bao giờ ra Văn phòng công chứng Đ&T để thực hiện yêu cầu công chứng và ký vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/11/2012. Chị đồng ý với yêu cầu củabà L là mẹ chị về tuyên văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/11/2012 vô hiệu do không tuân thủ trình tự , không thực hiện thủ tục niêm yết theo đúng quy định của pháp luật. Chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

+ Tại bản tự khai, quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày: Năm 2008 bà có mua củabà L và ông H hai thửa ruộng, cụ thể

+Thửa số 10 (2), diện tích 480,0 m2, tờ bản đồ số 23, mục đích sử dụng là đất ao, thời hạn sử dụng đến tháng 10/2013;

+ Thửa số 9 (1), diện tích 443,3 m2, tờ bản đồ số 24, mục đích sử dụng là đất ao, thời hạn sử dụng đến tháng 10/2013;

Vì hợp đồng mua bán chỉ là giấy viết tay, đến năm 2012, hai bên có làm hợp đồng mua bán lại. Thực tế việc mua bán hai thửa đất trên là bà mua hộ mẹ chồng bà là cụ Nguyễn Thị Tỉnh và em dâu chồng bà là bà Ngô Thị Vụ.

Khi làm hợp đồng mua bán lại thì trong hợp đồng mua bán đứng tên mẹ chồng bà và em chồng bà và do thời điểm làm lại hợp đồng mua bán, ông H là chồngbà L đã chết vì vậy giữa bà L và chị Ph phải có văn bản phân chia di sản thừa kế của ông H.

Sau khi bà L và chị Ph là con gái bà L đã có văn bản phân chia di sản thừa kế thì giữa cụ Tỉnh, bà Vụ có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà L.

Năm 2015 Nhà nước có thu hồi để làm dự án Khu đô thị Đồng cửa hai có thu hồi toàn bộ diện tích của thửa số 10, diện tích 480,0 m2, hợp đồng mang tên bà Vụ. Còn thửa số 09 thu hồi 345,3 m2, hợp đồng mang tên cụ Tỉnh. Diện tích còn lại của thửa số 09 sau khi Nhà nước thu hồi là 98 m2, hiện tại diện tích này mẹ chồng bà đã chết, anh Đỗ Văn Lợi là em chồng bà đang quản lý.

Năm 2017, bà L khởi kiện mẹ chồng bà và em chồng bà tại Tòa án nhân dân thành phố B, vụ án kháng cáo Tòa án tỉnh Bắc Giang đang giải quyết. Hiện tại vụ án đang tạm đình chỉ.

Từ khi bà mua đất củabà L năm 2008 đến khi Nhà nước thu hồi năm 2015, giữa bà vàbà L không xảy ra tranh chấp gì. Năm 2015, Nhà nước thu hồi thì mọi thủ tục kê khai và nhận tiền bồi thường đều do mẹ chồng bà và em chồng bà đứng tên.bà L biết việc bồi thường nhưng hai bên cũng không có tranh chấp gì.

Tòa án thành phố B có công bố những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, những biên bản lấy lời khai của bà L và đại diện theo ủy quyền của bà L, cũng như việc Tòa án đưa bà vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bà không có ý kiến gì.

Bà có ý kiến đối với việc bà L trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 16/7/2019 cũng như tại bản tự khai củabà L có trong hồ sơ vụ án như sau:bà L trình bày việc bà là người trực tiếp đi làm thủ tục công chứng đối với văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/11/2012 được lập tại Văn phòng công chứng Đ là không đúng, vì mọi chữ ký đều dobà L ký và những thủ tục mà Văn phòng công chứng Đ yêu cầu như đơn xin xác nhận về hàng thừa kế, về di sản thừa kế đều dobà L làm.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L về tuyên Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/11/2012 được lập tại Văn phòng công chứng Đ là vô hiệu bà không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2019/DS-ST ngày 17/10/2019 của Toà án nhân dân thành phố B đã quyết định:

1. Căn cứ khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 49 Luật công chứng năm 2006. Điều 123; khoản 3 Điều 132 Bộ luật dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L đối với Văn phòng công chứng Đ về tuyên văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/11/2012 được Văn phòng công chứng Đ công chứng số 1438/2012, quyển số: 03 TP/CC-SCC/HĐGD là vô hiệu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 01/11/2019, bà Vũ Thị L là nguyên đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được lập giữa bà bà con gái Đỗ Thu Ph được công chứng ngày 13/11/2012 tại Văn phòng công chứng Đ là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

Tại phiên Toà phúc thẩm, nguyên đơn là bà Vũ Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Không đồng ý với bản án sơ thẩm. Vì theo quy định của pháp luật không cho phép công chứng viên thực hiện việc công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế khi chưa thực hiện thủ tục niêm yết công khai. Việc công chứng phải thực hiện theo Nghị định số 75/2006 là bắt buộc phải niêm yết, hợp đồng công chứng không thực hiện việc niêm yết là trái quy định của pháp luật quy định tại Điều 49 Luật công chứng, chưa có phiếu đề nghị công chứng. Thời điểm giao dịch giữa bà M và ông H năm 2008 nhưng đến tận năm 2013 các bên mới ký văn bản phân chia thừa kế. Nội dung của văn bản phân chia di sản thừa kế chưa đúng với quy định của pháp luật vì chưa nêu rõ phần di sản thừa kế của ông H là bao nhiêu theo văn bản này thì chưa thể hiện việc chi Phương đồng ý chia chobà L. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 271, Điều 273, khoản 3 Điều 258, Điều 259, Điều 210, khoản 1 Điều 156 Luật ban hành văn bản sửa bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

* Đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng Đ trình bày: Văn phòng công chứng không đồng ý với yêu cầu kháng cáo củabà L. Văn phòng công chứng Đ công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/11/2012 giữabà L và chị Ph là đúng với quy định tại Điều 49 Luật công chứng năm 2006. Văn phòng công chứng không bỏ sót hàng thừa kế của ông H. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường L hàng thừa kế thứ nhất của ông H chỉ có 02 người, việc niêm yết chỉ để đảm bảo không bỏ sót hàng thừa kế nên văn bản công chứng là hoàn toàn có hiệu lực pháp luật.

* Người có quyền lời, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện củabà L về tuyên Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/11/2012 là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật. Việc bà mua bán đã trả tiền và gia đình ông H bà L đã giao đất cho bà. Phần đất của bà đã bị nhà nước thu hồi và bồi thường, việc bồi thường là bồi thường cho bà nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã

được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự xử: Không chấp nhận kháng cáo củabà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà Vũ Thị L được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Nguyên đơn là bà Vũ Thị L vắng mặt nhưng ủy quyền cho chị L1 có mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thu Ph đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của bà Vũ Thị L về việc yêu cầu tuyên văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/11/2012 được lập tại Văn phòng công chứng Đ là vô hiệu, do vi phạm điều cấm của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hình thức của hợp đồng công chứng: Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế giữabà L và chị Ph được lập thành văn bản có công chứng của văn phòng công chứng Đ& T nên về mặt hình thức, văn bản công chứng trên phù hợp với quy định của pháp luật

- Về nội dung của hợp đồng công chứng: Theo như các tài liệu có trong hồ sơ và trình bày của các đương sự thì ông Đỗ Mạnh H tức Đỗ Văn Hoành có hai người con là anh Đỗ Mạnh T và chị Đỗ Thu Ph, anh Tuấn chết năm 2002, anh Tuấn không có vợ và chưa có con. Hàng Thừa kế thứ nhất của ông H cóbà L và chị Ph, di sản thừa kế của ông H để lại có bốn thửa ruộng gồm: Thửa số 10 (2), tờ bản đồ số 23 diện tích 480,0 m2, mục đích sử dụng là đất ao, thời hạn sử dụng đến tháng 10/2013; Thửa số 9 (1), tờ bản đồ số 24 diện tích 443,3 m2, mục đích sử dụng là đất ao, thời hạn sử dụng đến tháng 10/2013; Thửa 67, tờ bản đồ số 7, diện tích 316,0 m2, mục đích sử dụng là đất lúa, thời hạn sử dụng đến tháng 10/2013; Thửa số 65, tờ bản đồ số 15,diện tích 405,0 m2, mục đích sử dụng là đất lúa, thời hạn sử dụng đến tháng 10/2013. Ngày 13/11/2012, bà L, chị Ph có lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tại Văn phòng công chứng Đ, được Văn phòng công chứng Đ công chứng số 1438/2012, quyển số: 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/11/2012. Chị Ph hoàn toàn đồng ý và không có ý kiến gì với văn bản phân chia di sản thừa kế nêu trên.

Nếu văn phòng công chứng có sai sót không niêm yết văn bản trên thì cũng không ảnh hưởng đến bản chất sự việc, đến quyền lợi của các đương sự. Việc niêm yết chỉ có ý nghĩa đối với người thứ ba không ký vào văn bản. Trong trường hợp này ông H không còn hàng thừa kế nào khác ngoài bà L, chị Ph, việc này đã được Ủy ban nhân dân phường L xác nhận và thực tế từ khi ký văn bản phân chia di sản

thừa kế đến nay cũng không có người thứ ba nào khác có ý kiến gì đối với văn bản này. Ông H duy nhất chỉ có 02 người thừa kế là chị Ph và bà L thì đã ký vào văn bản thừa kế và việc ký là hoàn toàn tự nguyện, không có sự lừa dối, ép buộc nên việc nếu không niêm yết không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của bà L và chị Ph. Và việc công chứng, chứng thực của Văn phòng công chứng Đkhông bỏ sót hàng thừa kế của ông H.

Đối với việc nguyên đơn cho rằng văn bản phân chia di sản thừa kế không nêu rõ phần quyền của chị Ph được hưởng trong tổng diện tích đất ông H để lại là bao nhiêu, tại số lô số thửa nào màbà L lại tự định đoạt đối với cả phần củabà L được hưởng, xét thấy: Tại văn bản phân chia thừa kế chị Ph đã tự nguyện cho toàn bộ phần quyền của chị được hưởng chobà L nên không cần thiết phải nêu rõ phần chị được hưởng là bao nhiêu và không ảnh hưởng đến hiệu lực của văn bản phân chia di sản thừa kế.

Về nội dung nguyên đơn cho rằng một lô đất bán cho hai chủ, Hội đồng xét xử xét thấy: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà M đã trình bày: bà là người đứng ra mua hộ đất cho bà Vụ, giữa bà M và bà Vụ không hề có tranh chấp gì về việc mua bán thửa đất này nên trình bày của nguyên đơn về việc một thửa đất bán cho hai chủ là không có căn cứ.

[2.2]. Từ những phân tích trên thấy văn bản công chứng phân chia di sản thừa kế giữabà L và chị Ph là hợp pháp, không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 123 Bộ luật dân sự, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện củabà L là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩmbà L không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới nên không có căn cứ xem xét yêu cầu kháng cáo củabà L. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo củabà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo củabà L không được chấp nhận nênbà L phải chịu án phí án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.Tuy nhiên, do nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ, Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 49 Luật công chứng năm 2006. Điều 123; khoản 3 Điều 132 Bộ luật dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L đối với Văn phòng công chứng Đ về tuyên văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày

13/11/2012 được Văn phòng công chứng Đ công chứng số 1438/2012, quyển số: 03 TP/CC-SCC/HĐGD là vô hiệu.

2.2.Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị L được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị L được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

2.3. Về chi phí tố tụng:

- Bà Vũ Thị L phải chịu 2.000.000đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sảnbà L đã nộp tại biên bản giao nhận ngày 12/9/2018. Xác nhậnbà L đã nộp đủ tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản.

- Chị Đỗ Thu Ph phải chịu 5.000.000đồng tiền chi phí giám định nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí giám định chị Ph đã nộp tại Biên bản giao nhận ngày 09/7/2018. Xác nhận chị Ph đã nộp đủ tiền chi phí giám định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Lục Ngạn;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Quyết Phạm Thị Minh Hiền **Trần Thị Hà**